

RELATIVE CLAUSES

Mệnh đề quan hệ trong tiếng anh gồm có ba loại sau:

- + Mệnh đề quan hệ xác định (defining clause).
- + Mệnh đề quan hệ không xác định (non-defining clause).
- + Mệnh đề quan hệ liên hợp (connective clause)

I. Defining Relative Clauses (*Mệnh đề quan hệ xác định*) Mệnh đề quan hệ xác định được dùng để bổ nghĩa cho danh từ đi trước nó, tức là làm chức năng định ngữ (không thể bỏ được). Chúng xác định người, vật, sự việc đang được nói đến là ai, cái nào, điều nào...Mệnh đề quan hệ luôn đứng ngay sau danh từ mà nó bổ nghĩa.

E.g. - We're looking for someone **who we can tell the truth.**

(*Chúng tôi đang tìm người mà chúng tôi có thể nói sự thực*)

- These are the children **that I looked after last summer.**

(*Đây là những đứa trẻ mà tôi đã trông nom mùa hè vừa qua*)

**** Chú ý :**

- Dấu phẩy không được dùng trong mệnh đề quan hệ xác định

- Không thể bỏ được mệnh đề quan hệ trong câu vì như thế làm nghĩa của câu không đủ, không rõ ràng.

- Đại từ quan hệ trong mệnh đề quan hệ xác định đóng vai trò là tân ngữ có thể lược bỏ.

E.g. The house (which) I am going to buy is not large.

(*Ngôi nhà mà tôi sẽ mua thì không rộng lắm*)

1. Cách dùng

Mệnh đề quan hệ xác định thường được dùng theo sau:

+ The + Noun.

+ A/AN + Noun.

+ Danh từ số nhiều không có the.

+ Đại từ (all, none, anybody, those....)

Ex: The book is about a girl who falls in love .

2. Các loại đại từ quan hệ trong mệnh đề quan hệ xác định và các hình thức của chúng.

	Chủ ngữ	Tân ngữ	Sở hữu.
Cho người:	Who That	Who/ Whom That.	Whose.
Cho vật:	Which That.	Which That	Whose Of Which.

2.1 Đại từ quan hệ dùng cho người: *Who/ That*

2.1.1 Chủ ngữ

Đại từ quan hệ Who thay thế cho danh từ chỉ người(he,she, we , you, they) làm chủ ngữ trong mệnh đề phụ. Có thể thay Who bằng That.

Ex1: The man is friendly. He lives next door.

□ *The man who lives next door is friendly.*

Ex2: We know a lot of people. They live in London.

-> *We know a lot of people who live in London.*

Khi Who/ That /Which là tân ngữ thì ta có thể lược bỏ đại từ quan hệ.

Ex: The woman was away on holiday.

I wanted to see the woman.

-> *The woman who I wanted to see was away on holiday.*

Or -> *The woman I wanted to see was away on holiday.*

2.1.2. Túc từ của một động từ.: *Whom/ Who/ That*

Hình thức của túc từ là Whom. Trong Tiếng anh nói ta thường dùng Who hay That (That thông dụng hơn Who) và phổ biến hơn là ta bỏ đại từ làm túc từ.

Ex: *The man whom I saw told me to come back today.*

Or *The man I saw told me to come back today.*

Đại từ quan hệ Whom thay thế cho danh từ chỉ người làm tân ngữ trong mệnh đề phụ. Có thể thay who/ whom bằng that hoặc có thể rút gọn.

Ex: The boy is my son. You see him at the door.

-> *The boy whom you see at the door is my son.*

Đại từ quan hệ whom/ who thay thế cho danh từ chỉ người làm tân ngữ giới từ trong mệnh đề phụ. Có thể đảo giới từ lên trước đại từ quan hệ whom / who nhưng không dùng that.

Ex: The man is their teacher. They are talking to him.

-> *The man who(m)/ that they are talking to is their teacher.*

-> *The man they are talking to is their teacher.*

-> *The man to who(m) they are talking is their teacher.*

2.1.3. Sở hữu: *Whose*

Ta dùng Whose trong mệnh đề quan hệ thay thế cho tính từ sở hữu(his, her, their..)

Ex1: We saw some people. Their car had broken down.

-> *We saw some people whose car had broken.*

Ex2: A widow is a woman. Her husband is dead.

-> *A widow is a woman whose husband is dead.*

Ex 3: What's the name of the man? His car you borrowed.

-> *What's the name of the man whose car you borrowed?*

2.2. Đại từ quan hệ dùng cho vật

2.2.1. Chủ từ: *Which/ That*.

Mệnh đề quan hệ Which được dùng để thay thế cho danh từ chỉ vật làm chủ ngữ trong mệnh đề phụ. Có thể thay thế which bằng that, nhưng Which được dùng thông dụng hơn.

Ex1: Tom bought a house. It has a bedroom and a kitchen.

-> *Tom bought a house which has bedroom and a kitchen.*

Ex 2: Can you see my pen? It's lying on that table.

-> *Can you see my pen which is lying on that table?*

2.2.2. Tân ngữ của một động từ

Đại từ quan hệ *which* thay thế cho danh từ chỉ vật làm tân ngữ trong mệnh đề phụ. Có thể thay *which* bằng *that*, hoặc có thể bỏ đại từ quan hệ đi.

Ex1: The book is mine. You see it on the table.

-> *The book which (that) you see on the table is mine.*

Which không bao giờ dùng sau : *all, everything, little, much, none, no*, và các hình thức kép của *no* hay sau các cực cấp. Thay vì chúng ta dùng *that* hay bỏ đại từ quan hệ nếu nó là túc từ của một động từ.

Ex : - All the apples that fall are eaten by the pigs.

- This is the best hotel (that) I know.

2.2.3. Túc từ của một giới từ

Cấu trúc thông thường là giới từ + *Which* nhưng thông dụng hơn là đưa giới từ đến cuối mệnh đề.

Có thể dùng *which* / *that* hoặc bỏ đại từ quan hệ.

Ex: The book is very interesting. You are talking about it.

-> *The book about which you are talking is very interesting.*

-> *The book which you are talking about is very interesting.*

II. Non-defining Relative Clauses (Mệnh đề quan hệ không xác định)

- Mệnh đề quan hệ không xác định được dùng để bổ nghĩa cho 1 danh từ hoặc mệnh đề được đề cập đến ở trước trong câu. Nó bổ sung thêm thông tin thêm về người, về sự vật, một hiện tượng đang được nói đến. Mệnh đề quan hệ luôn đứng ngay sau danh từ, mệnh đề mà nó bổ nghĩa.

- Mệnh đề quan hệ không xác định không phải là thành phần cốt yếu của câu và có thể loại bỏ mà không ảnh hưởng gì đến câu.

- Khác với mệnh đề quan hệ xác định, mệnh đề quan hệ không xác định được phân cách bằng dấu phẩy và không thể bỏ đại từ quan hệ.

E.g. - That car, **which I bought ten years ago**, is still good.

(Chiếc ô tô mà tôi mua cách đây 10 năm vẫn còn tốt)

- My elder sister gave me this shirt, **which she had bought in Supermarket**.

(Chị tôi cho tôi cái áo sơ mi này, cái áo mà chị đã mua ở siêu thị.)

- She passed the examination, **which makes me surprised**.

(Cô ta đã qua được kì thi rồi, điều này làm tôi ngạc nhiên.)

**** Chú ý:**

- **That** không được dùng trong mệnh đề quan hệ xác định
 - Đại từ quan hệ đóng vai trò làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ thì không bỏ được
- E.g. His proposal, **which** the committee is considering, is related to exams system.
(Đề nghị của ông ấy, mà uỷ ban đang cân nhắc, liên hệ đến hệ thống thi cử)

1. Cách dùng.

Mệnh đề quan hệ không xác định được dùng khi danh từ đứng trước là:

- + Danh từ riêng.
- + Các đại từ chỉ định: this , that, these , those.
- + Tính từ sở hữu: my, his ,her.....
- + Các định ngữ, bổ ngữ.

2. Các loại đại từ quan hệ dùng trong mệnh đề quan hệ không xác định.

	Chủ ngữ	Tân ngữ	Sở hữu.
Cho người	Who	Whom/ Who	Whose
Cho vật	Which	Which	Whose/ of Which

2.1. Đại từ quan hệ dùng cho người

2.1.1.Chủ ngữ : *Who*

Không dùng đại từ nào khác ngoài Who.

Ex1: My teacher has a lot of experiences.

He has been teaching for 10 years.

-> *My teacher, who has been teaching for 10 years, has a lot of experiences.*

Ex2: I passed the letter to Petter. He was sitting beside me.

-> *I passed the letter to Petter , who was sitting beside me.*

2.1.2. Tân ngữ: *Whom/ Who*

Đại từ quan hệ này không thể bỏ được. Whom là hình thức đúng mặc dù Who thỉnh thoảng được dùng trong tiếng anh đàm thoại.

Ex1: Peter turned out to be innocent.

Everyone suspected him.

-> *Peter, whom everyone suspected, turned out to be innocent.*

Ex 2: She introduced me to her husband.

I hadn't met him before.

-> *She introduced me to her husband, whom I hadn't met before.*

2.1.3. Túc từ của một giới từ: *Whom*

Đại từ quan hệ này không thể bỏ được, giới từ thường đặt trước *Whom*. Tuy nhiên có thể đưa giới từ đến cuối mệnh đề điều này được dùng phổ biến trong tiếng anh đàm thoại và *Who* thường được thay thế cho *Whom*.

Ex1 : Mr Lam was very generous about overtime payments.

I was working for him.

-> *Mr Lam, for whom I was working, was very generous about overtime payments.*

Or -> *Mr Lam, who I was working for, was very generous about overtime payment.*

Ex2 : Peter was fitter than me.

I played tennis with him on Sunday.

-> *Peter, with whom I played tennis on Sunday, was fitter than me.*

Or -> *Peter, whom I played tennis with on Sunday, was fitter than me.*

2.2. Đại từ quan hệ dùng cho vật : *Which*.

2.2.1. Chủ từ : *Which*.

Không được dùng thay cho *which* trong trường hợp này.

Ex: We stayed at the Hanoi hotel.

Long recommended it to us

-> *We stayed at the Hanoi hotel, which Long recommended to us.*

2.2.2. Túc từ: *Which*

That không được dùng trong trường hợp này và *which* không bao giờ được bỏ đi.

Ex : These books will give you all the information you need.

You can get them at any bookshop.

-> *These books, which you can get at any bookshops, will give you all the information you need.*

2.2.3 .Túc từ của một giới từ

Giới từ đứng trước Which hay ở cuối mệnh đề.

Ex : His house is now worth 10.000\$

He paid for it 5.000\$.

->*His house, for which he paid 5.000\$, is now worth 10.000\$.*

2.3. Sở hữu : Whose/ of which

Whose được dùng cho cả con người lẫn đồ vật.

Of which có thể dùng cho đồ vật, nhưng không thông dụng trừ tiếng anh trang trọng.

Ex : His house was a depressing sight.

Its windows were all broken.

->*His house , whose windows were all broken.*

Lưu ý:

- + Không được dùng That trong mệnh đề quan hệ không xác định.
- + Trường hợp động từ của mệnh đề quan hệ có giới từ thì ta chỉ dùng Whom/Which.
- + Ta đặt giới từ trước mệnh đề quan hệ (trước whom/ which)
- + Ta cũng có thể bỏ whom/ which và đặt giới từ ra sau động từ của mệnh đề quan hệ với điều kiện phải là mệnh đề quan hệ xác định.
- + Khi dùng That, ta không được đem giới từ ra trước mà vẫn để sau.

Ex: - The man to whom Mary is talking is Mr Pike.

- The man Mary is talking to is Mr Pike.

- The man that Mary is talking to is Mr Pike.

- + Khi giới từ đứng cuối mệnh đề quan hệ là thành phần của động từ kép thì ta không

đem ra trước Whom/ Which.

Ex : - This is the book which I am looking for .

- That is the child whom you have to look after.

+ Khi dùng Whom, Which có thể để các giới từ ở sau , ngoại trừ Without.

Ex : - The man whom Mary is talking to is Mr Pike.

- That is the man without whom we'll get lost.

□ ***Phân biệt mệnh đề quan hệ xác định và mệnh đề quan hệ không xác định.***

- Dùng để xác định người, vật, việc đang nói đến là người nào, vật nào, việc nào. Nếu không có mệnh đề quan hệ xác định, người nghe không biết rõ người, vật, việc đang được nói đến là ai, cái nào, điều nào.

- Không có dấu phẩy ngăn cách mệnh đề chính với mệnh đề quan hệ

- Chỉ bổ sung ý nghĩa cho danh từ, không bổ sung ý nghĩa cho mệnh đề.

- Đôi khi nó dùng để chỉ một phần trong số những người, vật, việc đang được nhắc đến trong danh từ mà nó bổ nghĩa.

E.g. The boys who are naughty must be punished.

(Những cậu con trai nghịch ngợm phải bị phạt.)

=> trong số những cậu con trai ở đó, những người đang được nhắc đến, thì chỉ có 1 số nghịch ngợm và số đó nên bị phạt.

E.g. The boys, who are naughty, must be punished.

(Những cậu con trai, những đứa rất nghịch ngợm, phải bị phạt.)

=> tất cả những cậu con trai có mặt ở đó đều nghịch ngợm và tất cả đều đáng bị phạt.

III. Mệnh đề quan hệ liên hợp (connective clause)

Mệnh đề quan hệ liên hợp dùng để giải thích cho cả một câu, trường hợp này chỉ dùng đại từ quan hệ **which** và dùng **dấu phẩy(,)** để tách hai mệnh đề. Mệnh đề này luôn đứng cuối câu.

Ex1: Students are often afraid of exams, which is easy to understand.

Ex 2: It rained very heavily, which prevented my going out.

EXERCISES

Exercise 1. Fill in the blanks with Relative pronouns or Relative adverbs, where necessary.

1. Let me see all the letters.....you have written
2. Is there anyone.....can help me do this?
3. Mr. Brown ,is only 34, is the director of this company
4. I know a place.....roses grows in abundance
5. It was the nurse.....told me to come in
6. The teacher with.....we studied last year no longer teaches in our school
7. They show me the hospital.....buildings had been destroyed by US bombings
8. We saw many soldiers and tanks.....were moving to the front
9. He joined the political party.....was in power
10. Love ,is a wonderful feeling, comes to everyone at sometimes n his life
11. Freedom is something formillions have given their lives.
12. It is easy to find faults in peoplewe dislike
13. We must find a timewe can meet and a placewe can talk

Exercise 2. Use a relative pronoun to combine each pair of sentences bellow

1. The man is my father. I respect his opinions most
2. Tom has three sisters. All of them are married
3. I recently went back to Paris. It is still as beautiful as a pearl
4. I recently went back to Paris. I was born in Paris nearly 50 years ago
5. She was the most intelligent woman. I've ever met this woman
6. Do you know the music? It is being played on the radio.
7. You didn't tell us the reason. We have to cut down our daily expenses for that reason
8. The day was rainy. She left on that day
9. I've sent him two letters. He has received neither of them

10. That man is an artist. I don't remember the man's name
11. That car belongs to Dr. Clark. Its engine is very good
12. You sent me a present. Thank you very much for it
13. This is Mrs. Jones. Her son won the championship last year
14. Rod Lee has won an Oscar. I know his sister
15. Is this the style of hair? Your wife wants to have it
16. A man answered the phone. He said Tom was out
17. 7.05 is the time. My plane arrives then
18. Max isn't at home yet. That worries me
19. Do you know the building? The windows of the building are painted green
20. Last week I went to see the house. I used to live in it.
21. This is the house. We often stay in this house in summer
22. I have not decided the day. I'll go to London on that day
23. The book is a telephone directory. We can look up telephone numbers in this book.
24. The airport is the most modern one. We are going to arrive at this airport
25. He doesn't want to speak of the cause. She divorced her husband for this cause
26. The days were the saddest ones. I lived far from home on those days.
27. I never forget the park. We met each other for the first time at this park.